

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /7/2026 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO
A. Dự thảo Nghị quyết			
1		Tại căn cứ ban hành văn bản: Đối với các văn bản được sửa đổi, bổ sung đề nghị điều chỉnh theo hướng ghi thêm trước văn bản sửa đổi, bổ sung cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” cho phù hợp và thống nhất (<i>bỏ các từ “đã được”, “một số điều theo”, “một số điều tại”</i>).	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
2		Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung cụm từ “nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh” vào sau cụm từ “hàng năm” để đảm bảo chặt chẽ và thống nhất với nội dung quy định tại Điều 2 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg; đề nghị bỏ cụm từ “đồng thời” và cụm từ “Cà Mau” vì thừa.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
3		- Điều 3 + Tại khoản 2, khoản 3, khoản 4: Đề nghị rà soát, bám sát nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 để quy định cho đầy đủ, chặt chẽ.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 là quy định nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện chung trên cả nước. Tuy nhiên, đối với ngân sách địa phương tỉnh Cà Mau cần phải được cụ thể hóa các quy định, điều chỉnh nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế.

		+ Tại khoản 6: Đề nghị rà soát, bám sát nội dung quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 và điểm c khoản 1 Mục II Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 để quy định cho đầy đủ, chặt chẽ. Đồng thời, làm rõ cơ sở quy định đối với nội dung “Dành dự phòng 10% ...” để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và bố trí nội dung đoạn này thành một khoản hoặc một điểm cho chặt chẽ.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, hiệu chỉnh các nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 và điểm c mục I phần II Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. “Dành dự phòng 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương theo từng nguồn vốn...” được cụ thể hóa theo điểm b mục 1 phần II Chỉ thị số 16/CT-TTg.
4		- Điều 4 + Tại khoản 1: Đề nghị bỏ cụm từ “thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công” vì tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định “<i>Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan</i>”; chuyển cụm từ “quy định tại Điều 3 Nghị quyết này” tại điểm a vào sau cụm từ “thứ tự ưu tiên phân bổ vốn” cho phù hợp; Đối với nguyên tắc cụ thể tại Điều này, đề nghị cơ quan soạn thảo bám sát nội dung quy định tại Điều 5 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg, Điều 9 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 để điều chỉnh, bổ sung cho đầy đủ và thống nhất theo quy định.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Đối với ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “<i>thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công</i>”, cơ quan soạn thảo tiếp thu và sẽ rà soát, chỉnh sửa để tránh trùng lặp với quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Đối với ý kiến đề nghị chuyển cụm từ “<i>quy định tại Điều 3 Nghị quyết này</i>” tại điểm a, cơ quan soạn thảo tiếp thu và sẽ điều chỉnh vị trí câu chữ để bảo đảm logic, rõ ràng về kỹ thuật trình bày. Đối với ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung các nguyên tắc phân bổ vốn, cơ quan soạn thảo nhận thấy: Các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đã được quy định đầy đủ tại Điều 5 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Điều 9 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15. Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết này quy định các nguyên tắc phân bổ vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân

			dân tỉnh nhằm cụ thể hóa việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
		+ Tại điểm a khoản 2: Đề nghị bỏ 01 cụm từ “bao gồm” vì thừa; về căn cứ xác định số liệu người dân tộc thiểu số dự thảo quy định “<i>Số người dân tộc thiểu số được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp</i>”, nhưng đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg lại quy định “<i>Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Cục Thống kê cung cấp</i>”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá lại việc lấy số liệu cơ quan quản lý chuyên ngành của tỉnh khác so với cơ quan quản lý chuyên ngành trung ương quy định, việc này có đảm bảo tính chính xác và đồng bộ với số liệu làm căn cứ xác định so với trung ương hay không, để điều chỉnh cho chặt chẽ, thống nhất. Ngoài ra, đối với nội dung quy định về “số liệu làm căn cứ xác định để tính điểm” đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét bổ sung nội dung quy định “<i>trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, các chỉ tiêu được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học của các chỉ tiêu trước điều chỉnh địa giới hành chính</i>” để đảm bảo bao quát và thống nhất với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg lấy tiêu chí số người dân tộc thiểu số để phục vụ tính điểm phân bổ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và căn cứ vào số liệu năm 2025 do Cục Thống kê cung cấp. Đối với dự thảo Nghị quyết, việc quy định số người dân tộc thiểu số được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp nhằm xác định đầu mối cung cấp số liệu và chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương. Số liệu do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp là số liệu chính thức được tổng hợp, quản lý trên địa bàn tỉnh và đã có sự phối hợp thống nhất số liệu với Thống kê tỉnh; do đó, việc quy định cơ quan cung cấp số liệu tại địa phương không làm thay đổi tiêu chí, phương pháp xác định hoặc nội dung số liệu làm căn cứ tính điểm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg. Đối với ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, cơ quan soạn thảo tiếp thu và sẽ nghiên cứu, bổ sung quy định: “<i>Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, các chỉ tiêu được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học của các chỉ tiêu trước khi điều chỉnh địa giới</i>

			<i>hành chính</i> ” nhằm bảo đảm thống nhất với điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg.
		+ Tại điểm b khoản 2: Đề nghị rà soát điều chỉnh cho thống nhất các cụm từ “tỷ lệ hộ nghèo đa chiều” với “tỷ lệ hộ nghèo”, cụm từ “số thu ngân sách” với “Thu ngân sách”; về căn cứ xác định số liệu thu ngân sách dự thảo quy định “<i>Số thu ngân sách được xác định căn cứ vào số liệu do Thuế tỉnh cung cấp</i>”, nhưng đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg lại quy định “<i>Số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu xổ số)</i> để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 do Thủ tướng Chính phủ giao”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá lại việc lấy số liệu làm căn cứ xác định của tỉnh khác so với quy định căn cứ xác định của trung ương, việc này có đảm bảo tính chính xác và đồng bộ với số liệu làm căn cứ xác định so với trương ương hay không, để điều chỉnh cho chặt chẽ, phù hợp.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Đối với đề nghị rà soát điều chỉnh cho thống nhất các cụm từ “tỷ lệ hộ nghèo đa chiều” với “tỷ lệ hộ nghèo”, cụm từ “số thu ngân sách” với “Thu ngân sách”: cơ quan soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết. Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg lấy tiêu chí số thu nội địa để phục vụ tính điểm phân bổ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 do Thủ tướng Chính phủ giao. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết lấy tiêu chí số thu ngân sách do Thuế tỉnh cung cấp nhằm bảo đảm phù hợp với chức năng quản lý, theo dõi và tổng hợp số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; đây là số liệu quản lý thu thực tế, được cập nhật từ hệ thống nghiệp vụ của ngành thuế, bảo đảm đầy đủ, thống nhất với số liệu của cơ quan tài chính và kho bạc. Dự thảo chỉ quy định đầu mỗi cung cấp số liệu tại địa phương, không làm thay đổi tiêu chí, phương pháp hay nội dung số liệu theo quy định của Trung ương.
		+ Tại điểm c khoản 2: Đề nghị bổ sung cụm từ “Điểm của tiêu chí” vào trước cụm từ “diện tích đất” và cụm từ “tỷ lệ che phủ rừng” tại trước các Bảng cho đầy đủ; đề nghị xem lại nội dung viện dẫn “<i>Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</i>” điều chỉnh cho chính xác số, ký hiệu của văn bản và thực hiện điều chỉnh kỹ thuật viện dẫn đảm bảo phù	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Đối với đề nghị bổ sung cụm từ “Điểm của tiêu chí” vào trước cụm từ “diện tích đất” và cụm từ “tỷ lệ che phủ rừng” tại trước các Bảng cho đầy đủ; đề nghị xem lại nội dung viện dẫn “<i>Nghị quyết số</i>

		hợp theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị quyết số 187/2025/NQ-CP. Đồng thời, đề nghị xem lại đánh giá sự phù hợp của nội dung quy định về căn cứ để xác định diện tích đất tự nhiên quy định tại điểm này với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg quy định “<i>Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2024 Cục Thống kê công bố, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính</i>” nhưng dự thảo lại quy định “<i>Diện tích đất tự nhiên được xác định theo Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</i>”.	1688/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” điều chỉnh cho chính xác số, ký hiệu của văn bản và thực hiện điều chỉnh kỹ thuật viện dẫn đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị quyết số 187/2025/NQ-CP: cơ quan soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết. Tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg quy định việc xác định diện tích đất tự nhiên căn cứ vào số liệu năm 2024 do Cục Thống kê công bố; trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính thì chỉ tiêu diện tích đất tự nhiên được điều chỉnh theo nguyên tắc cộng số học diện tích của các đơn vị hành chính trước khi điều chỉnh. Đây là nguyên tắc xác định diện tích trong giai đoạn chưa có căn cứ pháp lý chính thức về đơn vị hành chính sau sắp xếp. Đến nay, đã có quy định chính thức việc sắp xếp đơn vị hành chính, xác định địa giới, diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau sắp xếp. Vì vậy, tại dự thảo Nghị quyết quy định căn cứ xác định diện tích đất tự nhiên theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết số 13/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND không trái với mục tiêu của Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg là việc cập nhật căn cứ pháp lý mới sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp đơn vị hành chính.
		+ Tại điểm d khoản 2: Đề nghị điều chỉnh thay cụm từ “ngày 30/12/2025” thành cụm từ “ngày 30 tháng 12 năm 2025”, bổ sung	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:

		cụm từ “Xã đặc biệt khó khăn” thành “Xã đặc biệt khó khăn khu vực III” cho rõ; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung đối với tiêu chí “xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ” vì qua rà soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ban hành nhiều Quyết định về việc công nhận xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (<i>Quyết định số 01844/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025, Quyết định số 02003/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định số 02461/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định số 483/QĐ- UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026, Quyết định số 1697/QĐ- UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026, Quyết định số 2134/QĐ- UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026</i>) để đảm bảo đầy đủ, thống nhất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg.	Đối với đề nghị điều chỉnh thay cụm từ “ngày 30/12/2025” thành cụm từ “ngày 30 tháng 12 năm 2025”, bổ sung cụm từ “Xã đặc biệt khó khăn” thành “Xã đặc biệt khó khăn khu vực III” cho rõ: cơ quan soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết. Tại dự thảo Nghị quyết không chọn tiêu chí xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vì hiện nay toàn tỉnh Cà Mau đã có 64 xã, phường đều là xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Điều này dẫn đến số điểm tiêu chí này của các xã, phường là bằng nhau, không có sự chênh lệch.
		+ Ngoài ra, đối với các định mức để xác định số điểm của từng tiêu chí đề nghị cơ quan soạn thảo có nội dung trình bày cơ sở quy định để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Định mức xác định số điểm của từng tiêu chí đã được cơ quan soạn thảo xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg, đồng thời căn cứ theo khả năng cân đối ngân sách địa phương và yêu cầu phân bổ nguồn lực bảo đảm công bằng, hợp lý, tạo sự hài hòa giữa các xã, phường. Việc xác định các định mức được tính toán theo hướng rút ngắn khoảng cách chênh lệch về số điểm giữa các xã, phường, qua đó góp phần điều tiết nguồn vốn theo mức độ khó khăn và nhu cầu thực tế cần đầu tư của địa phương. Các xã, phường có số điểm thấp được ưu tiên phân bổ nguồn lực để có điều kiện đầu tư, phát triển, từng bước thu hẹp khoảng cách với các địa phương có điều kiện thuận lợi hơn; đồng thời vẫn bảo đảm các xã, phường có

			số điểm cao được phân bổ nguồn vốn phù hợp để tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chí đã đạt được.
		+ Khoản 3: Tại nội dung cụ thể của Điều đề nghị bổ sung cụm từ “phân bổ vốn” vào sau cụm từ “Tổng số điểm” cho đầy đủ, thống nhất.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
		+ Tại tên khoản 4: Đề nghị xác định lại “tính định mức vốn phân bổ” hay “tính mức vốn phân bổ” để điều chỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung cụ thể của Điều.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
		+ Tại đoạn đầu khoản 4: Đề nghị thay cụm từ “theo 04 tiêu chí nêu trên” thành cụm từ “theo quy định tại khoản 3 Điều này”, thay cụm từ “đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường” thành cụm từ “giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho cấp xã” cho rõ.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
		+ Tại điểm a khoản 4: Đề nghị thay cụm từ “đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường” thành cụm từ “giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho cấp xã” cho rõ.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
		+ Tại điểm b khoản 4: Đề nghị xem lại các cụm từ “ Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường”, “Tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường” nghiên cứu, điều chỉnh cho chính xác và thống nhất; tại ý thứ 2 “Trên cơ sở...” đề nghị bỏ cụm từ “nêu trên”, đề nghị xem cụm từ “sẽ giao”, “sẽ rà soát” điều chỉnh cho phù hợp ngôn ngữ văn bản quy phạm; về việc quy định “phân bổ bổ sung trong năm 2030”, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá lại sự phù hợp, thống nhất của nội dung này, vì tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định “ <i>Dành dự phòng 10% kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương theo từng nguồn vốn để xử lý những vấn đề phát sinh trong kỳ kế hoạch trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.</i> ”	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau: Đối với đề nghị xem lại các cụm từ “Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường”, “Tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường” nghiên cứu, điều chỉnh cho chính xác và thống nhất; tại ý thứ 2 “Trên cơ sở...” đề nghị bỏ cụm từ “nêu trên”, đề nghị xem cụm từ “sẽ giao”, “sẽ rà soát” điều chỉnh cho phù hợp ngôn ngữ văn bản quy phạm: cơ quan soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh vào dự thảo Nghị quyết.

		<i>Khoản vốn dự phòng chưa phân bổ chỉ được sử dụng khi bảo đảm được cân đối nguồn vốn và bố trí cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước”; tại đoạn “(Kèm theo Bảng tính điểm chi tiết của từng xã, phường)” và tính điểm chi tiết của từng xã, phường ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát phạm vi được giao xác định lại nội dung này có thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết hay không để điều chỉnh cho chặt chẽ.</i>	Đối với nội dung xem xét phân bổ cho các xã, phường trong năm 2030 như sau: Tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết (đã được điều chỉnh thành khoản 7) quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng nguồn vốn dự phòng 10% của kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; việc sử dụng nguồn vốn này chỉ thực hiện khi bảo đảm cân đối nguồn vốn và bố trí cho các mục tiêu thật sự cần thiết, cấp bách. Trong khi đó quy định xem xét phân bổ cho các xã, phường trong năm 2030 chỉ nhằm xác định thời điểm rà soát, đánh giá khả năng cân đối nguồn vốn và nhu cầu thực tế của các địa phương để quyết định việc phân bổ phần vốn dự phòng còn lại trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn. giai đoạn 2026 - 2030.
		+ Ngoài ra, đề nghị rà soát, điều chỉnh thay cụm từ “tổng số điểm từng xã, phường”, “tổng số điểm của từng xã, phường” thành cụm từ “tổng số điểm phân bổ vốn của từng xã, phường” để đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP “ <i>Từ ngữ chỉ nội dung giống nhau phải được sử dụng thống nhất trong toàn bộ văn bản</i> ”.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
5		- Tại Điều 5: Đề nghị rà soát các văn bản có liên quan (nếu có) đã ban hành trước đây của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu bổ sung nội dung xử lý để đảm bảo tính chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
B. Đối với dự thảo Tờ trình			

1		- Tại tên dự thảo: Đề nghị bổ sung cụm từ “trên địa bàn tỉnh Cà Mau” vào sau cụm từ “2026 - 2030” thống nhất với tên dự thảo Nghị quyết.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
2		- Tại khoản 1 Mục I: Đề nghị thay căn cứ thứ 2 thành “ <i>Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15</i> ”.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
3		- Về thể thức trình bày: Đề nghị rà soát, điều chỉnh đảm bảo thống nhất theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, trong đó: Tại tên dự thảo đề nghị thay cụm từ “Đề nghị ban hành” thành cụm từ “Dự thảo”; tại phần mở đầu đề nghị thay cụm từ “ <i>Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ... cụ thể như sau</i> ” thành cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau</i> ”; tại khoản 1, khoản 2 Mục IV điều chỉnh thành 01 khoản và bố cục nội dung thành các điểm; Tại phần kết đề nghị bổ sung cụm từ <i>Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau</i> vào trước cụm từ “Ủy ban nhân dân kính trình”; thay cụm từ “(kèm theo các văn bản có liên quan)” thành cụm từ (xin gửi kèm theo: ...).”.	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định
C. Đối với dự thảo Bản so sánh, thuyết minh			
1		Đối với nội dung tại cột Thuyết minh đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày rõ những nội dung được kế thừa, những nội dung được	Xin tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định

		sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ so với các nội dung đã quy định trước đây, nhất là nội dung quy định về xác định số điểm của từng tiêu chí, phương pháp tính định mức quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết.	
--	--	--	--